

## MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Phát Quang	Phó chủ tịch
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Cao Thanh Định	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hạnh Phúc	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Bá Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

### PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

cáo tài chính. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

Thay mặt Hội đồng quản trị *Đào*



**NGUYỄN THỊ KIM XUÂN**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 31 tháng 7 năm 2012



Số: 75/2012/BCKT

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, từ trang 04 đến trang 26 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2012 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Lương Nhân**  
Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV  
Thay mặt và đại diện cho:  
**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**  
Tp. HCM, ngày 25 tháng 7 năm 2012



**Lê Đình Huyền**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1756/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>235.697.365.804</b>	<b>245.640.563.334</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>15.170.817.447</b>	<b>571.920.205</b>
1. Tiền	111		15.170.817.447	571.920.205
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	V.02	<b>185.344.000</b>	<b>169.984.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		531.000.000	531.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(345.656.000)	(361.016.000)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	V.03	<b>63.191.285.712</b>	<b>113.630.060.164</b>
1. Phải thu khách hàng	131		22.777.475.603	97.602.007.196
2. Trả trước cho người bán	132		24.756.598.486	11.915.460.943
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		15.657.211.623	4.112.592.025
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.04	<b>154.807.755.994</b>	<b>120.079.131.660</b>
1. Hàng tồn kho	141		155.647.964.966	120.919.340.632
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(840.208.972)	(840.208.972)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>2.342.162.651</b>	<b>11.189.467.305</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		172.852.019	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		276.696.361	9.926.155.058
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	596.975.647	695.405.691
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	1.295.638.624	567.906.556
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>146.292.027.408</b>	<b>152.261.682.507</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>54.782.690.249</b>	<b>60.093.054.959</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	50.920.005.630	56.075.032.740
- Nguyên giá	222		121.047.987.428	120.870.222.490
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.127.981.798)	(64.795.189.750)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	3.010.398.909	3.165.736.509
- Nguyên giá	228		5.788.007.600	5.788.007.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.777.608.691)	(2.622.271.091)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	852.285.710	852.285.710
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.10	<b>78.561.182.824</b>	<b>78.561.182.824</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65.026.276.051	65.026.276.051
3. Đầu tư dài hạn khác	258		13.534.906.773	13.534.906.773
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>12.948.154.335</b>	<b>13.607.444.724</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	12.948.154.335	13.607.444.724
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>381.989.393.212</b>	<b>397.902.245.841</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>211.114.385.243</b>	<b>227.061.142.140</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>203.716.963.619</b>	<b>225.087.481.085</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	164.198.357.224	190.773.878.305
2. Phải trả cho người bán	312	V.13	13.233.175.235	9.437.199.388
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	70.192.500	162.358.800
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14	976.744.802	951.079.241
5. Phải trả công nhân viên	315	V.15	126.198.988	1.584.532.160
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	17.899.905.167	14.770.584.041
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.212.389.703	7.407.849.150
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.397.421.624</b>	<b>1.973.661.055</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	7.000.000.000	1.512.364.431
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		397.421.624	461.296.624
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>170.875.007.969</b>	<b>170.841.103.701</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>170.875.007.969</b>	<b>170.841.103.701</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.858.174.152)	(2.624.423.284)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.335.792.066	9.335.792.066
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.381.877.899	5.381.877.899
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.789.415.156	6.521.760.020
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>381.989.393.212</b>	<b>397.902.245.841</b>
<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)			2.001,22	10.694,52
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-



Lại Tuyết Thanh  
 Kế toán trưởng  
 Ngày 25 tháng 07 năm 2012





Trịnh Bá Hoàng  
 Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		38.614.902.181	158.630.281.885
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	38.614.902.181	158.630.281.885
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	23.427.674.336	139.606.947.452
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.187.227.845	19.023.334.433
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.321.559.963	9.836.501.350
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	7.364.424.511	13.662.639.184
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.638.682.133	5.527.155.797
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	1.984.930.635	5.505.503.513
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	7.116.245.949	8.439.722.774
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.186.713	1.251.970.312
11. Thu nhập khác	31	VI.07	250.133.984	560.000
12. Chi phí khác	32		-	24.006.131
13. Lợi nhuận khác	40		250.133.984	(23.446.131)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		293.320.697	1.228.524.181
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	25.665.561	92.479.027
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		267.655.136	1.136.045.154
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	21	89



Lại Tuyết Thanh  
 Kế toán trưởng  
 Ngày 25 tháng 07 năm 2012



  
 Trịnh Bá Hoàng  
 Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

	Mã số	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	293.320.697	1.228.524.181
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.488.129.648	5.501.936.385
Các khoản dự phòng	03	(15.360.000)	(4.829.433.395)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi do từ hoạt động đầu tư	05	-	(67.640.000)
Chi phí lãi vay	06	6.638.682.133	5.527.155.797
<b>Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>12.404.772.478</b>	<b>7.360.542.968</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	59.445.477.844	32.543.314.585
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(34.728.624.334)	(37.540.289.812)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	5.115.463.054	3.214.073.475
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	486.438.370	236.157.981
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.638.682.133)	(5.527.155.797)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(971.464.871)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>36.084.845.279</b>	<b>(684.821.472)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(177.764.938)	(927.902.445)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	67.640.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(177.764.938)</b>	<b>(860.262.445)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	224.169.766.333	371.050.307.472
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(245.477.949.432)	(354.712.908.388)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(21.308.183.099)</b>	<b>16.337.399.084</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>			
Tiền và tương đương tiền kỳ	60	571.920.205	1.496.144.356
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>15.170.817.447</b>	<b>16.288.459.523</b>

  
 \_\_\_\_\_

Lại Tuyết Thanh  
 Kế toán trưởng  
 Ngày 25 tháng 07 năm 2012



Trịnh Bá Hoàng  
 Tổng giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

**I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 ngày 13/01/2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Vốn điều lệ đăng ký	868.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 30/6/2012	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, kỹ gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư bổ sung số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009; Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.;

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÁN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hồi đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng cho hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

**7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

***Nhãn hiệu hàng hoá***

Nhãn hiệu hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

***Phần mềm kế toán***

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

**8. Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

**9. Chi phí trả trước**

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ đến tháng 9/2049;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ với thời gian từ 02 - 03 năm.

**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

***Đầu tư vào các công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**Đầu tư chứng khoán**

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh toán.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

**11. Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**12. Tiền lương và các khoản trích theo lương**

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 17% và 7 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

**14. Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang bên mua.

**Chi phí**

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

**15. Các bên liên quan**

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

9063  
TY  
HỮU  
TOÁN  
K  
NAM  
P. HỒ

**16. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế thu nhập chịu thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp. Năm tài chính 2012 là năm thứ 8 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	30/6/2012	31/12/2011
Tiền mặt	19.972.107	231.490.752
Tiền gửi ngân hàng	15.150.845.340	340.429.453
<b>Cộng</b>	<b>15.170.817.447</b>	<b>571.920.205</b>

<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	30/6/2012	31/12/2011
Đầu tư chứng khoán	531.000.000	531.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(345.656.000)	(361.016.000)
<b>Cộng giá trị thuần các khoản đầu tư</b>	<b>185.344.000</b>	<b>169.984.000</b>

Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan Dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán	Số lượng cổ phiếu	Giá trị sổ sách ngày 30/6/2012	Giá trị thị trường ngày 30/6/2012	Dự phòng giảm giá chứng khoán
PVD	5.120	531.000.000	185.344.000	(345.656.000)

<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	30/6/2012	31/12/2011
Phải thu khách hàng	(3.1) 22.777.475.603	97.602.007.196
Trả trước cho người bán	(3.2) 24.756.598.486	11.915.460.943
Phải thu khác	(3.3) 15.657.211.623	4.112.592.025
<b>Cộng</b>	<b>63.191.285.712</b>	<b>113.630.060.164</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>63.191.285.712</b>	<b>113.630.060.164</b>

**(3.1) Bao gồm:**

Phải thu khách hàng bằng ngoại tệ	(USD) 745.423,05 #	15.525.671.285
Phải thu khách hàng bằng VND		7.251.804.318
<b>Cộng</b>		<b>22.777.475.603</b>

**(3.2) Bao gồm:**

Trả trước cho người bán bằng ngoại tệ	(USD) 94.727,53 #	1.972.984.995
Trả trước cho người bán bằng VND		22.783.613.491
<b>Cộng</b>		<b>24.756.598.486</b>

**(3.3) Bao gồm:**

Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Á Châu	2.316.178.623	2.316.179.160
Ông Đặng Văn Đoàn	1.112.400.000	1.112.400.000
Thuế GTGT đang chờ hoàn	11.751.194.694	330.247.055
Phải thu khác	477.438.306	353.765.810
<b>Cộng</b>	<b>15.657.211.623</b>	<b>4.112.592.025</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

4. Hàng tồn kho	30/6/2012	31/12/2011
Nguyên vật liệu	125.217.716.238	100.729.293.271
Công cụ dụng cụ	2.605.157.394	2.258.402.138
Thành phẩm tồn kho	19.074.106.525	11.726.673.814
Hàng gửi bán, gia công	8.750.984.809	6.204.971.409
Cộng	<u>155.647.964.966</u>	<u>120.919.340.632</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(840.208.972)	(840.208.972)
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b><u>154.807.755.994</u></b>	<b><u>120.079.131.660</u></b>

Hàng tồn kho trong kho lạnh đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Công ty bảo hiểm Bảo Việt Sài Gòn số HCM.D26.IAR.11.HD266. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/11/2011 đến ngày 13/11/2012); tổng giá trị hàng hoá được bảo hiểm là 57 tỷ đồng.

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30/6/2012	31/12/2011
Thuế nhập khẩu tạm nộp	490.396.848	612.172.397
Thuế thu nhập cá nhân	106.578.799	83.233.294
Cộng	<u>596.975.647</u>	<u>695.405.691</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2012	31/12/2011
Tạm ứng	611.706.000	567.906.556
Tài sản thiếu chờ xử lý	683.932.624	-
Cộng	<u>1.295.638.624</u>	<u>567.906.556</u>

7. Tài sản cố định hữu hình	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2012	43.784.820.907	67.798.897.896	7.261.010.662	2.025.493.025	120.870.222.490
Tăng	-	53.597.110	30.000.000	94.167.828	177.764.938
<b>Tại ngày 30/6/2012</b>	<b><u>43.784.820.907</u></b>	<b><u>67.852.495.006</u></b>	<b><u>7.291.010.662</u></b>	<b><u>2.119.660.853</u></b>	<b><u>121.047.987.428</u></b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2012	16.904.687.803	42.985.695.635	3.359.122.352	1.545.683.960	64.795.189.750
Tăng	918.000.543	3.896.272.882	403.422.290	115.096.333	5.332.792.048
<b>Tại ngày 30/6/2012</b>	<b><u>17.822.688.346</u></b>	<b><u>46.881.968.517</u></b>	<b><u>3.762.544.642</u></b>	<b><u>1.660.780.293</u></b>	<b><u>70.127.981.798</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2012	26.880.133.104	24.813.202.261	3.901.888.310	479.809.065	56.075.032.740
<b>Tại ngày 30/6/2012</b>	<b><u>25.962.132.561</u></b>	<b><u>20.970.526.489</u></b>	<b><u>3.528.466.020</u></b>	<b><u>458.880.560</u></b>	<b><u>50.920.005.630</u></b>

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Công ty bảo hiểm Bảo Việt Sài Gòn số HCM.D26.IAR.11.HD266. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/11/2011 đến ngày 13/11/2012); tổng giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị được bảo hiểm 23,65 tỷ đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2012	5.712.920.000	75.087.600	5.788.007.600
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2012</b>	<b>5.712.920.000</b>	<b>75.087.600</b>	<b>5.788.007.600</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2012	2.569.640.098	52.630.993	2.622.271.091
Tăng	142.822.998	12.514.602	155.337.600
Giảm	-	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2012</b>	<b>2.712.463.096</b>	<b>65.145.595</b>	<b>2.777.608.691</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2012	3.143.279.902	22.456.607	3.165.736.509
<b>Tại ngày 30/6/2012</b>	<b>3.000.456.904</b>	<b>9.942.005</b>	<b>3.010.398.909</b>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2012	31/12/2011
Chi phí đào ao nuôi tôm	714.285.710	714.285.710
Chi phí mua sắm TSCĐ	138.000.000	138.000.000
<b>Cộng</b>	<b>852.285.710</b>	<b>852.285.710</b>

**10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

		30/6/2012	31/12/2011
Đầu tư vào Công ty liên kết	(10.1)	65.026.276.051	65.026.276.051
Đầu tư dài hạn khác	(10.2)	13.534.906.773	13.534.906.773
Dự phòng giảm giá		-	-
<b>Cộng</b>		<b>78.561.182.824</b>	<b>78.561.182.824</b>

**10. 1. Đầu tư vào Công ty liên kết**

Tên Công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư	
		30/6/2012	31/12/2011
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga	(a) 21,07%	39.600.000.000	39.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ	(b) 49,00%	14.992.000.000	14.992.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu	(c) 49,00%	10.434.276.051	10.434.276.051
<b>Cộng</b>		<b>65.026.276.051</b>	<b>65.026.276.051</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

**10. 1. Đầu tư vào Công ty liên kết (tiếp theo)**

(a) Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga với mục đích xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410202611 ngày 22/12/2008, tỷ lệ vốn góp: 21,07% tương đương 43.560.000.000 đồng. Số vốn thực góp đến ngày 30/6/2012 là 39.600.000.000 đồng tương đương 19% vốn điều lệ (Tổng vốn điều lệ: 206.759.195.000 đồng).

(b) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 30/6/2012 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng.

(c) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu (Incomfish EU) tại Vương Quốc Bỉ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 30/6/2012 là 454,368.95 EUR tương đương 10.434.276.051 đồng.

**10. 2. Đầu tư dài hạn khác**

Tên Công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư	
		30/6/2012	31/12/2011
Công ty TNHH Thương mại Ve Ga (a)	5,38%	4.634.906.773	4.634.906.773
Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu (b)		8.900.000.000	8.900.000.000
<b>Cộng</b>		<b>13.534.906.773</b>	<b>13.534.906.773</b>

(a) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại Ve Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102061859 ngày 23/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 3 ngày 11/10/2010. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.634.907.773 đồng tương đương 5,38% vốn điều lệ.

(b) Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu với mục đích xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh tại tỉnh Đồng Tháp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/8/2007. Tổng số vốn góp đăng ký là 66,24 tỷ đồng. Tính đến ngày 30/6/2012, Công ty đã góp được 8,9 tỷ đồng đạt 13,4% vốn đăng ký.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/6/2012	31/12/2011
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	223.407.620	286.743.140
Tiền thuê đất (11.1)	9.891.271.193	10.033.708.385
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.833.475.522	3.286.993.199
<b>Cộng</b>	<b>12.948.154.335</b>	<b>13.607.444.724</b>

(11.1) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 424/HĐ-TLĐ-2000 ngày 27/9/2000 và Phụ lục số 1 ngày 25/5/2006 về việc thuê lại đất tại Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - KCN Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - TP.HCM; Diện tích thuê: 20.802 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê đến tháng 9/2049.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THUY SÀN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

12. Vay và nợ ngắn hạn	30/6/2012	31/12/2011
Vay ngắn hạn (VND)	18.849.525.844	54.414.238.084
Vay ngắn hạn (USD)	142.324.102.158	133.334.910.439
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.024.729.222	3.024.729.782
<b>Cộng</b>	<b>164.198.357.224</b>	<b>190.773.878.305</b>

**Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn**

Ngân hàng HSBC	(12.1)	89.610.960.594	87.353.629.050
- Tiền Việt Nam (VND)		-	2.771.577.808
- Tiền ngoại tệ (4.302.427,53 USD)		89.610.960.594	84.582.051.242
Ngân hàng Vietcombank	(12.2)	59.585.543.408	89.586.162.214
- Tiền Việt Nam (VND)		14.849.525.844	40.833.303.017
- Tiền ngoại tệ (2.147.878,70 USD)		44.736.017.564	48.752.859.197
Ngân hàng Eximbank	(12.3)	7.977.124.000	-
- Tiền ngoại tệ (383.000 USD)		7.977.124.000	-
Ngân hàng Phát triển VN		-	6.809.357.259
- Tiền Việt Nam (VND)		-	6.809.357.259
Vay cá nhân Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	(12.4)	4.000.000.000	4.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	(12.5)	3.024.729.222	3.024.729.782
<b>Cộng</b>		<b>164.198.357.224</b>	<b>190.773.878.305</b>

(12.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng HSBC theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM CDT 050234 ngày 04/10/2011 và thỏa thuận sửa đổi ngày 13/4/2012 với tổng hạn mức là 4.000.000.00 USD; thời hạn trong vòng 150 ngày tính từ ngày giải ngân; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hoá tồn kho của Công ty với trị giá 4.000.000.00 USD và thư xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng theo hợp đồng bảo hiểm nhà kho và hàng hoá trong kho từ Công ty Bảo hiểm trị giá 106,43 tỷ đồng cùng với các khoản phải thu của quý Công ty với trị giá 4.000.000.00 USD.

(12.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng tín dụng số 0116/KH/12NH ngày 26/4/2012 với tổng hạn mức là 100 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức là 60 tháng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này là quyền sở hữu nhà xưởng tại Lô A74/l, A75/l, A76/l, A77/l, đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị của Công ty với giá trị theo định giá là 14.585.000.000 đồng chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/4/2012.

(12.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2012-01089 ngày 29/6/2012. Hạn mức tín dụng 8 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương trong thời hạn 01 năm, lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012.
- Cam kết thế chấp hàng tồn kho bình quân và các khoản phải thu.

(12.4) Vay ngắn hạn từ Bà Nguyễn Thị Kim Xuân theo hợp đồng vay ngắn hạn bổ sung số 009/HĐVN/2011/ICF ngày 15/10/2011 với lãi suất vay 130% nhân với lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại từng thời điểm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(12.5) Chi tiết nợ vay dài hạn đến hạn trả	30/6/2012	31/12/2011
Ngân hàng HSBC (145.224,18 USD)	3.024.729.222	3.024.729.782

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

<b>13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước</b>		30/6/2012	31/12/2011
Phải trả người bán	(13.1)	13.233.175.235	9.437.199.388
Người mua trả tiền trước		70.192.500	162.358.800
<b>Cộng</b>		<b>13.303.367.735</b>	<b>9.599.558.188</b>
<b>(13.1) Bao gồm:</b>			
Phải trả người bán bằng ngoại tệ	(USD)	74.480,03 #	1.551.270.065
Phải trả người bán bằng VND			11.681.905.170
<b>Cộng</b>			<b>13.233.175.235</b>
<b>14. Thuế và các khoản phải nộp</b>		30/6/2012	31/12/2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		<b>976.744.802</b>	<b>951.079.241</b>
<b>15. Phải trả công nhân viên</b>		30/6/2012	31/12/2011
Tiền lương còn phải trả		<b>126.198.988</b>	<b>1.584.532.160</b>
<b>16. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		30/6/2012	31/12/2011
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN phải nộp		285.755.525	252.326.880
Kinh phí công đoàn		1.375.394.791	1.148.241.349
Các khoản phải trả khác	(16.1)	16.238.754.851	13.370.015.812
<b>Cộng</b>		<b>17.899.905.167</b>	<b>14.770.584.041</b>
<b>(16.1) Chi tiết các khoản phải trả khác</b>			
Phải trả tiền mượn góp vốn của cá nhân		15.340.000.000	11.483.000.000
Tiền thâm niên giữ lại		776.067.303	1.626.273.306
Các khoản phải trả khác		72.687.548	210.742.506
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn		50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>		<b>16.238.754.851</b>	<b>13.370.015.812</b>
<b>17. Vay và nợ dài hạn</b>		30/6/2012	31/12/2011
Ngân hàng Eximbank	(17.1)	7.000.000.000	-
Ngân hàng HSBC	(17.2)	3.024.729.222	4.537.094.213
- Trừ nợ dài hạn đến hạn trả		(3.024.729.222)	(3.024.729.782)
<b>Cộng</b>		<b>7.000.000.000</b>	<b>1.512.364.431</b>

(17.1) Vay dài hạn 7.000.000.000 đồng từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (Eximbank) theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2012-01088 ngày 29/6/2012; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân; mục đích vay: thanh toán tiền thuê ao nuôi theo Hợp đồng thuê đất số 010/0512/HĐKT/KD/ACF-ICF ngày 15/5/2012. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, khu phố 2, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012.

(17.2) Vay dài hạn 145.224,18 USD tương đương 3.024.729.222 đồng từ Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh Tp. HCM (HSBC) theo Hợp đồng tín dụng số VNM CDT 080174M ngày 25/4/2008 và Biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 16/9/2008, theo đó: Tổng hạn mức là 1,000,000.00 USD; thời hạn 60 tháng; lãi suất vay theo từng thời điểm. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp tài sản số VNM CDT 080174M/M ngày 25/4/2008 với tổng giá trị là 1,500,000.00 USD.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

**18. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 30/6/2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	128.070.000.000	-	-	128.070.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	24.156.097.000	-	-	24.156.097.000
Chênh lệch tỷ giá	(2.624.423.284)	-	(233.750.868)	(2.858.174.152)
Quỹ đầu tư phát triển	9.335.792.066	-	-	9.335.792.066
Quỹ dự phòng tài chính	5.381.877.899	-	-	5.381.877.899
Lợi nhuận chưa phân phối	6.521.760.020	267.655.136	-	6.789.415.156
<b>Cộng</b>	<b>170.841.103.701</b>	<b>267.655.136</b>	<b>(233.750.868)</b>	<b>170.875.007.969</b>

**Phân phối lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Số dư đầu năm	6.521.760.020	11.895.591.067
Lãi phát sinh	267.655.136	1.136.045.154
Cộng phân hoàn nhập các quỹ	-	4.753.508.934
<b>Cộng lũy kế</b>	<b>6.789.415.156</b>	<b>17.785.145.154</b>

**Cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	86.800.000	86.800.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

**VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Doanh thu bán hàng	38.105.641.997	158.567.581.915
Doanh thu cung cấp dịch vụ	509.260.184	62.699.970
<b>Cộng</b>	<b>38.614.902.181</b>	<b>158.630.281.885</b>
Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Cộng doanh thu thuần</b>	<b>(1.1) 38.614.902.181</b>	<b>158.630.281.885</b>

**(1.1) Chi tiết doanh thu**

	USD	VND	Quy ra VND
Doanh thu xuất khẩu	1.799.398,55	-	37.477.872.999
Doanh thu bán hàng nội địa	-	627.768.998	627.768.998
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	509.260.184	509.260.184
<b>Cộng</b>	<b>1.799.398,55</b>	<b>1.137.029.182</b>	<b>38.614.902.181</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn thành phẩm xuất bán	23.427.674.336	144.505.500.847
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	-	(4.898.553.395)
<b>Cộng</b>	<b>23.427.674.336</b>	<b>139.606.947.452</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi thanh toán	314.044.900	114.660.067
Lãi hoạt động đầu tư	-	67.640.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.007.515.063	9.654.201.283
<b>Cộng</b>	<b>1.321.559.963</b>	<b>9.836.501.350</b>
<b>4. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	6.638.682.133	5.527.155.797
Lỗ chênh lệch tỷ giá	741.102.378	8.066.363.387
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(15.360.000)	69.120.000
<b>Cộng</b>	<b>7.364.424.511</b>	<b>13.662.639.184</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí lương nhân viên bán hàng	929.408.689	1.059.715.923
Chi phí xuất hàng	764.395.541	3.680.608.832
Chi phí tham gia hội chợ	151.516.819	254.725.000
Chi phí hoa hồng môi giới	-	35.951.550
Chi phí bằng tiền khác	139.609.586	474.502.208
<b>Cộng</b>	<b>1.984.930.635</b>	<b>5.505.503.513</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí lương nhân viên quản lý	4.821.351.348	5.230.107.778
Chi phí công cụ dụng cụ	57.684.038	112.277.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	342.634.943	342.845.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.005.344.565	2.507.446.675
Chi phí bằng tiền khác	889.231.055	247.045.670
<b>Cộng</b>	<b>7.116.245.949</b>	<b>8.439.722.774</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Thu xử lý khoản thuế GTGT tồn đọng	250.133.984	-
Các khoản thu khác	-	560.000
<b>Cộng</b>	<b>250.133.984</b>	<b>560.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
<b>8. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	293.320.697	1.228.524.181
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	4.529.518
Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	293.320.697	1.233.053.699
Tỷ lệ thuế suất	25%	15%
Thuế TNDN phát sinh	73.330.174	184.958.055
Thuế TNDN được giảm do hưởng ưu đãi	36.665.087	92.479.027
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP	10.999.526	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>25.665.561</b>	<b>92.479.027</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	267.655.136	1.136.045.154
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	267.655.136	1.136.045.154
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.807.000	12.807.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>21</b>	<b>89</b>
<b>10. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên vật liệu	98.893.807.700	226.379.513.286
Chi phí nhân công	12.645.437.979	17.082.375.445
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.488.129.648	5.501.936.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.723.366.263	8.749.213.237
Chi phí bằng tiền khác	1.872.857.832	4.119.774.460
<b>Cộng</b>	<b>122.623.599.422</b>	<b>261.832.812.813</b>

**VII. Các thông tin khác**

**1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan**

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

	Mối quan hệ		6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
<b>Bán hàng</b>				
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	481.146.320	-
Công ty TNHH Sa Ga	Bên liên quan	VND	-	7.441.200.000
<b>Mua hàng</b>				
Công ty TNHH Sa Ga	Bên liên quan	VND	1.317.796.323	-
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	482.214.874	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

**1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan (tiếp theo)**

Số dư đối với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Mối quan hệ		30/6/2012	31/12/2011
<b>Phải thu</b>				
Incomfish US	Bên liên quan	USD	123.448,00	123.448,00
Công ty TNHH Sa Ga	Bên liên quan	VND	6.696.232.859	10.306.833.387
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	2.316.178.623	2.316.179.160
<b>Nợ phải trả</b>				
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	1.518.300	1.377.471.076
Công ty TNHH Sa Ga	Bên liên quan	VND	1.383.686.139	-

**2. Quản lý rủi ro tài chính**

**a. Rủi ro thị trường**

*(i) Rủi ro tiền tệ*

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD") và đồng Euro ("EUR").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD và EUR là như sau:

	Tại ngày 30/6/2012			
	Gốc ngoại tệ		Tương đương VND	
	USD	EUR	USD	EUR
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	2.001,22	250,00	41.681.411	6.863.000
Phải thu khách hàng	745.423,05	-	15.525.671.285	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>747.424,27</b>	<b>250,00</b>	<b>15.567.352.696</b>	<b>6.863.000</b>
<b>Nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán	74.480,03	-	1.551.270.065	-
Vay và nợ ngắn, dài hạn	6.978.530,41	-	145.348.831.380	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.053.010,44</b>	<b>-</b>	<b>146.900.101.445</b>	<b>-</b>
<b>Mức độ rủi ro tiền tệ</b>	<b>(6.305.586,17)</b>	<b>250,00</b>	<b>(131.332.748.748)</b>	<b>6.863.000</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (13.133.274.875) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THUYẾT SÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

## (i) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2012, nếu đồng Euro mạnh/(yếu) đi 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là 686.300 đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Euro còn lại.

## (ii) Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty liên kết chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm qua.

## (iii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

## b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

### **Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

### **Các khoản đầu tư**

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

### **Số dư ngân hàng**

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

## b. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

### *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 61.218.300.717 đồng.

## c. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong thời kỳ tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Vay và nợ ngắn, dài hạn	164.198.357.224	7.000.000.000	-	171.198.357.224
Phải trả người bán	13.233.175.235	-	-	13.233.175.235
Người mua trả trước	70.192.500	-	-	70.192.500
Thuế và các khoản phải nộp	976.744.802	-	-	976.744.802
Phải trả người lao động	126.198.988	-	-	126.198.988
Các khoản phải trả khác	17.899.905.167	-	-	17.899.905.167
Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.212.389.703	-	-	7.212.389.703
Các khoản phải trả dài hạn	-	397.421.624	-	397.421.624
<b>Cộng</b>	<b>203.716.963.619</b>	<b>7.397.421.624</b>	<b>-</b>	<b>211.114.385.243</b>
Tại ngày 01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Vay và nợ ngắn, dài hạn	190.773.878.305	1.512.364.431	-	192.286.242.736
Phải trả người bán	9.437.199.388	-	-	9.437.199.388
Người mua trả trước	162.358.800	-	-	162.358.800
Thuế và các khoản phải nộp	951.079.241	-	-	951.079.241
Phải trả người lao động	1.584.532.160	-	-	1.584.532.160
Các khoản phải trả khác	14.770.584.041	-	-	14.770.584.041
Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.407.849.150	-	-	7.407.849.150
Các khoản phải trả dài hạn	-	461.296.624	-	461.296.624
<b>Cộng</b>	<b>225.087.481.085</b>	<b>1.973.661.055</b>	<b>-</b>	<b>227.061.142.140</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THUYẾT SÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

## c. Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

### Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, và các khoản phải thu (thuyết minh tại Mục số 13 và 18 - Phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

### Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 30/6/2012	Giá trị sổ sách	Tăng	Giảm	Đơn vị tính: ngàn đồng	
				Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>					
Chứng khoán vốn niêm yết	531.000	-	(345.656)	185.344	(345.656)
<b>Đầu tư dài hạn</b>					
Đầu tư vào Công ty liên kết	65.026.276	-	-	65.026.276	-
Đầu tư dài hạn khác	13.534.907	-	-	13.534.907	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>79.092.183</b>	<b>-</b>	<b>(345.656)</b>	<b>78.746.527</b>	<b>(345.656)</b>

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của thời kỳ tài chính tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.


Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được ước tính dựa trên giá trị thuần của đơn vị nhận đầu tư.

## 3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Lại Tuyết Thanh  
Kế toán trưởng  
Ngày 25 tháng 07 năm 2012



Trịnh Bá Hoàng  
Tổng Giám đốc